

## VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VÀ DOANH NGHIỆP TRONG XÂY DỰNG XÃ HỘI TRI THỨC VÀ SÁNG TẠO

Nguyễn Việt Hòa<sup>1</sup>

Vụ Khoa học và Công nghệ, Ban Tuyên giáo Trung ương

### Tóm tắt:

Thế giới đang có xu hướng xây dựng xã hội tri thức và sáng tạo trong bối cảnh tác động mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việt Nam đang chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu và tích cực thực hiện cam kết quốc tế về phát triển bền vững. Vì vậy, đội ngũ tri thức và doanh nghiệp đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa mà Đảng đã đề ra qua tất cả các kỳ Đại hội Đảng cho đến Đại hội lần thứ XIII. Chủ đề "Vai trò của đội ngũ tri thức và doanh nghiệp trong xã hội tri thức và sáng tạo", tiếp cận lý thuyết xã hội học, lý thuyết nhận biết xã hội (Social Identity Theory-SIT), góp phần bổ sung lý luận về xã hội tri thức và sáng tạo, về đội ngũ tri thức và doanh nghiệp. Cho đến nay, chưa có nhiều công trình nghiên cứu để tiếp cận hệ thống lý thuyết và thực tiễn, bài viết tập trung vào hai vấn đề chính: (1) Lý luận về đội ngũ tri thức và doanh nghiệp, xã hội tri thức và sáng tạo; (2) Vai trò của đội ngũ tri thức và doanh nghiệp trong xã hội tri thức và sáng tạo.

**Từ khóa:** Đội ngũ tri thức; Doanh nghiệp; Xã hội tri thức.

**Mã số:** 23071401

## ROLE OF INTELLECTUAL AND BUSINESS WORKFORCE IN BUILDING A KNOWLEDGE-BASED AND INNOVATIVE SOCIETY

### Summery:

The world is trending towards building a knowledge-based and innovative society in the context of the profound impact of the Fourth Industrial Revolution. Vietnam is actively participating in the Fourth Industrial Revolution, transforming the economic growth model from breadth to depth, and actively fulfilling international commitments to sustainable development. Therefore, intellectual and business workforces play a particularly important role in the cause of building and steadfastly protecting the socialist Fatherland of Vietnam as outlined by the Party in all Party Congresses until the 13<sup>th</sup> Congress. The theme "The role of intellectual and business workforces in a knowledge-based and innovative society," approaching social theory, Social Identity Theory (SIT), contributes to supplementing the theory of knowledge-based and innovative society, about intellectual and business workforces. Until now, there have not been many scientific works to approach the theoretical and practical system. The article focuses on two main issues: (1) The theory of intellectual and business workforces, knowledge-based society, and innovation; (2) The role of intellectual and business workforces in a knowledge-based and innovative society.

**Keywords:** Team of intellectuals; Enterprise; Knowledge society.

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: hoavukhcn21@gmail.com

## 1. Lý luận về đội ngũ trí thức và doanh nghiệp, xã hội tri thức và sáng tạo

Thuật ngữ “trí thức” (Intellectual) có nhiều nghĩa và việc dịch thuật có nhiều cách hiểu khác nhau ở các quốc gia. Nhìn chung, thuật ngữ “trí thức” chỉ đối tượng đặc biệt trong xã hội, là những người lao động trí óc để tạo ra sản phẩm có giá trị cho xã hội, tạo nên sự thay đổi, biến đổi xã hội. Các nội dung dưới đây phản ánh cụ thể về trí thức và đội ngũ trí thức, doanh nghiệp, xã hội tri thức và sáng tạo:

### 1.1. Trí thức và đội ngũ trí thức

Khái niệm về trí thức và đội ngũ trí thức được định nghĩa ở nhiều phạm vi, cách tiếp cận. Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm, tiêu chí đào tạo người trí thức trong chế độ mới phải đào tạo toàn diện cả đức và tài. Người viết “Một người học xong đại học, có thể gọi là có trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức hoàn toàn, thì phải đem cái trí thức đó áp dụng vào thực tế” (*Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.5, tr. 275*); với người trí thức mới, tài phải đi đôi với đức, trong đó đức là gốc, bởi: “Đức là đạo đức cách mạng. Đó là cái gốc, rất là quan trọng. Nếu không có đạo đức cách mạng thì có tài cũng vô dụng” (*Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.14, tr.400*). Quan điểm, tiêu chí của Người là kim chỉ nam cho công tác xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức ở Việt Nam có trình độ, chuyên môn, có phẩm chất đạo đức cách mạng.

Đội ngũ trí thức được hiểu “Tập đoàn xã hội gồm những người làm lao động trí óc. Giới trí thức bao gồm kỹ sư, kỹ thuật viên, thầy thuốc, luật sư, nghệ sĩ, nhà giáo và người làm công tác khoa học, một bộ phận lớn viên chức” (*Từ điển Triết học, 1986, tr. 598*). Định nghĩa này cho thấy, trí thức hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau, có tính tổ chức, tính cộng đồng cao. Khái niệm đội ngũ trí thức gần với khái niệm cộng đồng khoa học (CDKH); Cộng đồng khoa học là một nhóm xã hội đặc biệt, gồm các nhà trí thức khoa học nói chung, và cụ thể hơn là các trường phái khoa học, các ngành khoa học, hoặc các tổ chức khoa học (*Kenneth Allan, 2005*).

Đưa ra định nghĩa, khái niệm tương đối đầy đủ về trí thức và đội ngũ trí thức ở Việt Nam cho đến nay có Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (viết tắt là Nghị quyết số 27) đã đưa ra khái niệm: *Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội*. Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội; phần lớn trưởng thành trong xã hội mới, được hình thành từ nhiều nguồn đào tạo ở trong và ngoài nước, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau, trong đó có bộ phận trí thức người

Việt Nam ở nước ngoài. Nghị quyết số 27 nêu rõ: *Đội ngũ trí thức nước ta có tinh thần yêu nước, có lòng tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc, luôn gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

Từ các khái niệm trên, tác giả xác định trí thức là nhân tố quan trọng để xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức. Đội ngũ trí thức là một tổ chức xã hội đặc biệt, tập hợp trí thức có trình độ chuyên môn hóa cao, có thiết chế xã hội đặc thù, có năng lực, uy tín, đóng góp vào sự phát triển và tiến bộ của xã hội, được xã hội công nhận.

### **1.2. Khái niệm doanh nghiệp**

Năm 2019, OECD đưa ra định nghĩa “Một doanh nghiệp được định nghĩa là một pháp nhân sở hữu quyền tự mình kinh doanh, ví dụ để ký kết hợp đồng, tài sản riêng, nợ phải trả và thiết lập tài khoản ngân hàng. Một doanh nghiệp có thể là một công ty bán hàng, một tổ chức phi lợi nhuận hoặc một doanh nghiệp chưa hợp nhất”. Theo Gordon Marhall (1998), “Doanh nghiệp là nhà đổi mới đầy sáng tạo trong khu vực kinh doanh, khác với những người chủ kinh doanh, nhà tư bản hoặc người quản lý chuyên nghiệp, họ là người tuân theo nhiều thủ tục trong kinh doanh và các mục tiêu đã được thiết lập”. Các khái niệm, định nghĩa cho thấy đặc điểm nổi bật của doanh nghiệp là nhà đổi mới, sáng tạo trong khu vực kinh tế được pháp luật công nhận, hoạt động theo quy định của pháp luật.

Theo phân loại của OECD năm 2019, doanh nghiệp có thể được phân loại khác nhau theo quy mô của họ. Các nước thuộc OECD khuyến khích phát triển loại hình doanh nghiệp xã hội vì “Các doanh nghiệp xã hội là tác nhân lâu dài của tăng trưởng bao trùm và dân chủ hóa các lĩnh vực kinh tế và xã hội, họ thể hiện được bản lĩnh trước nghịch cảnh kinh tế trong khi giải quyết các thách thức kinh tế, xã hội theo cách đổi mới, tái hòa nhập người dân trở lại thị trường lao động, góp phần vào sự gắn kết tổng thể xã hội” (OECD, 2017).

### **1.3. Khái niệm xã hội tri thức và sáng tạo**

Trong bất cứ giai đoạn phát triển của xã hội, tri thức luôn đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển xã hội, sự đóng góp đó thể hiện ở sự kế thừa các giá trị tinh hoa của các quốc gia trên thế giới, nhờ đó tri thức đóng góp tích cực vào sự vận động, biến đổi của xã hội, kiến tạo nên xã hội mới, dựa trên các nguyên tắc, điều kiện được xã hội công nhận. Trong phần đầu tiên của Tuyên ngôn độc lập ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn để luận về cơ sở đạo lý, pháp lý về quyền con người, quyền dân tộc của Tuyên ngôn độc lập năm 1776 (Hoa Kỳ) và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 (Pháp) và khẳng định đó là những đóng góp quan trọng vào sự phát triển tư tưởng của nhân loại về quyền con người, quyền dân tộc. Cụ thể, Người dẫn: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong

những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” và “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”, để từ đó khẳng định: “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Xã hội tri thức được xây dựng từ môi trường thể chế đặc biệt, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 đã nêu rõ quan điểm: Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức.

Theo Naim Hamdija và Maria G.Carvalho (2010): Xã hội tri thức là một tổ chức có cấu trúc dựa trên sự phát triển tri thức của con người đương đại và đại diện cho chất lượng mới của các hệ thống hỗ trợ cuộc sống. Xã hội tri thức đại diện cho một mô hình mới phát triển trong tương lai và nó có mối tương quan chặt chẽ với sự phát triển bền vững. Mô hình bền vững của xã hội tri thức là một khung tiềm năng cho sự phát triển xã hội loài người dẫn đến sự gắn kết xã hội, khả năng cạnh tranh và ổn định kinh tế, sử dụng tài nguyên và phát triển kinh tế, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái (*Naim Hamdija Afgan, Maria G. Carvalho, 2010*).

Báo cáo Thế giới của UNESCO năm 2012 đã đưa ra các nguyên tắc cần thiết cho sự phát triển của một xã hội tri thức công bằng gồm:

- Quyền tự do ngôn luận (nên áp dụng cho các hình thức truyền thống, đương đại và truyền thông, bao gồm cả Internet);
- Tiếp cận giáo dục có chất lượng cho tất cả mọi người;
- Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ;
- Phổ cập thông tin và kiến thức trong cộng đồng.

Năm 2013, Hiến pháp Việt Nam (sửa đổi, bổ sung) đã nêu ở Điều 25: Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.

Nguyễn Văn Dân (2015) đã nêu: Xã hội tri thức là một kiểu xã hội dựa trên việc không ngừng sản xuất và sử dụng hàng loạt tri thức trong mọi lĩnh vực, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin và truyền thông hiện đại, để phát triển con người trên toàn hành tinh một cách công bằng, an sinh và bền vững.

Theo Van Bezouw, MJ; Toorn JM van der; Becker, JC (2021), sáng tạo xã hội (Social creativity) đưa đến tiếp cận Lý thuyết nhận biết xã hội (Social Identity Theory-SIT) thường được áp dụng để giải thích sự thay đổi xã hội. Khái niệm sáng tạo xã hội nhằm cung cấp quan điểm nhận biết xã hội về việc củng cố và thách thức sự ổn định xã hội. Sáng tạo xã hội cho phép mọi người duy trì hoặc đạt được bản sắc xã hội tích cực thông qua việc diễn giải lại các mối quan hệ

giữa các nhóm; sáng tạo xã hội có thể đóng vai trò ứng phó, thúc đẩy và sự ổn định của xã hội dựa trên nguyên tắc kế thừa các giá trị, tinh hoa đã có, gìn giữ và phát triển, tích hợp có chọn lọc các yếu tố, nhân tố mới của thời đại để xây dựng xã hội mới.

#### **1.4. Khái niệm biến đổi xã hội**

Biến đổi xã hội (tiếng Anh: Social change) có thể theo quy luật của sự vận động và phát triển xã hội, có thể theo chủ đích như chủ trương, đường lối của lãnh đạo đất nước với mục đích thay đổi mô hình và cấu trúc cũ, tạo nên sự phát triển xã hội mới. Phát triển xã hội đề cập đến cách mọi người phát triển các kỹ năng xã hội và cảm xúc trong suốt cuộc đời. Sự phát triển xã hội lành mạnh cho phép chúng ta hình thành các mối quan hệ tích cực với gia đình, bạn bè, thầy cô và những người khác trong cuộc sống của mình (*Stine-Morrow và các cộng sự, 2010*).

Biến đổi xã hội là sự thay đổi trật tự xã hội của một xã hội, có thể bao gồm những thay đổi về thể chế xã hội, hành vi xã hội hoặc quan hệ xã hội; được duy trì ở quy mô lớn hơn, nó có thể dẫn đến chuyển đổi xã hội (*Kavanagh và các cộng sự, 2021*). Khái niệm này đề cập đến sự thay đổi mang tính mô hình, chẳng hạn như quá trình chuyển đổi từ mô hình kinh tế-xã hội bao cấp sang mô hình kinh tế-xã hội tự lực, tự chủ.

Ở cấp vĩ mô, biến đổi xã hội có thể đưa đến cách mạng xã hội, chẳng hạn như cuộc Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa được trình bày trong chủ nghĩa Mác. Biến đổi xã hội có thể được thúc đẩy thông qua các lực lượng văn hóa, kinh tế, môi trường, KHCN&ĐMST.

Các quan điểm về xã hội tri thức cho thấy sự vận động, phát triển xã hội dựa trên tri thức, mục đích của việc sử dụng tri thức để thay đổi, biến đổi xã hội. Trong quá trình đó, xã hội sẽ có những thay đổi hệ thống tổ chức xã hội, trong những trường hợp đặc biệt tạo nên cuộc cách mạng làm thay đổi về mô hình, cấu trúc. Có thể hiểu, tri thức là nguồn đầu vào quan trọng kiến tạo nên xã hội tri thức, quá trình kiến tạo xã hội tri thức sẽ cần đến sự sáng tạo để thiết kế xã hội mới, xây dựng mô hình xã hội mới, cấu trúc xã hội mới, hoàn thiện hệ thống xã hội mới là tất yếu.

## **2. Điều kiện để xây dựng xã hội tri thức và sáng tạo**

### **2.1. Công bằng, không phân biệt đối xử**

Theo Naim Hamdija và các cộng sự (2010): Sự phát triển kinh tế về cơ bản phụ thuộc vào sự sẵn có của tri thức. Những đột phá khoa học mới và mô hình đổi mới dựa trên công nghệ là nền tảng cơ bản cho phát triển kinh tế. Cần lưu ý rằng, những thành tựu đổi mới KH&CN sẽ không tự động mang lại những cải thiện về xã hội, môi trường và kinh tế. Bên cạnh những yếu tố quan trọng này để phát triển kinh tế, các mô hình mới như công bằng và không phân biệt đối xử là cần thiết. Sự phát triển của xã hội tri thức tập trung vào các mục tiêu sau:

- Truyền cảm hứng và tạo điều kiện cho các cá nhân phát triển khả năng của họ ở mức tiềm năng cao nhất trong suốt cuộc đời, để họ có thể phát triển trí tuệ, được trang bị tốt cho công việc, có thể đóng góp hiệu quả cho xã hội và tận hưởng sự thỏa mãn cá nhân một cách tích cực;
- Nâng cao kiến thức và hiểu biết để ứng dụng ở cấp địa phương, khu vực và quốc gia;
- Đóng vai trò to lớn trong việc hình thành một xã hội dân chủ, văn minh và trí thức;
- Thúc đẩy trao đổi ý kiến vì sự phát triển của xã hội trí thức và hợp nhất các hoạt động chung dành cho sự phát triển tương lai của các hệ thống hỗ trợ sự sống;
- Để tìm hiểu, đánh giá và xác nhận sự tiến bộ về kinh tế, môi trường, xã hội và công nghệ để tạo ra lợi ích dựa trên xã hội trí thức.

## **2.2. Tiếp cận rộng rãi với các cơ sở tri thức hiện đại**

Điều tối quan trọng đối với sự phát triển kinh tế thế giới, khu vực và quốc gia là được tiếp cận rộng rãi với các cơ sở tri thức hiện đại. Về mặt này, việc sử dụng các cơ sở tri thức là nội tại để có các hệ thống phân phối tri thức phù hợp. Hệ thống giáo dục là phương tiện cơ bản trong việc phổ biến kiến thức. Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở tri thức và hệ thống giáo dục thúc đẩy chuyển giao tri thức tới tất cả các tầng lớp trong xã hội.

Thành phần thiết yếu trong phát minh và đổi mới là kiến thức. Việc chuyển giao và phổ biến tri thức làm tăng khả năng phát minh và đổi mới, nghĩa là tạo ra tri thức mới và ý tưởng mới, sau đó đưa vào sản xuất, quy trình và tổ chức. Các tổ chức và cơ sở có khả năng tạo ra và phổ biến tri thức luôn là một phần quan trọng của hệ thống giáo dục.

Nền kinh tế và xã hội trí thức bắt nguồn từ sự kết hợp của bốn yếu tố phụ thuộc lẫn nhau: (1) Sản xuất tri thức, chủ yếu thông qua nghiên cứu khoa học; (2) Truyền tải tri thức, thông qua giáo dục và đào tạo; (3) Phổ biến tri thức thông qua công nghệ thông tin và truyền thông; (4) Ứng dụng tri thức trong đổi mới công nghệ. Đồng thời, các cấu hình mới về sản xuất, truyền tải và ứng dụng tri thức đang xuất hiện và tác động của chúng là thu hút nhiều người tham gia hơn, điển hình là trong bối cảnh quốc tế hóa ngày càng dựa trên không gian mạng.

Các điều kiện nêu trên cho thấy, vai trò đặc biệt của tri thức đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, dựa trên nguyên tắc công bằng, không phân biệt đối xử giữa các tổ chức, quốc gia, tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, sự phân cực giữa các quốc gia đã phát triển, đang phát triển và chưa phát triển, chưa xây dựng được nguyên tắc chung ở tầm quốc tế. Do đó, các nước mới, đang và chưa phát triển vẫn còn bị hạn chế trong tiếp cận, ứng dụng tri thức mới vào cuộc sống.

### 2.3. Xây dựng trụ cột xã hội tri thức

Theo Nguyễn Văn Dân (2015), xã hội tri thức mang ý nghĩa nhân quyền, vì thế, có ý nghĩa đạo đức nhân văn cao cả. Đó cũng chính là lý do tồn tại của xã hội tri thức bền vững mà chúng ta cần phải hiện thực hóa càng sớm càng tốt và phải được xây dựng bằng năm trụ cột sau đây:

- Trụ cột chính trị;
- Trụ cột kinh tế tri thức;
- Trụ cột khoa học - công nghệ;
- Trụ cột giáo dục và đào tạo;
- Trụ cột ý thức về phát triển bền vững.

### 2.4. Nền tảng xã hội sáng tạo

Theo OECD (2000), xã hội sáng tạo từ sự phổ biến của công nghệ thông tin và sự phát triển của nền kinh tế tri thức đến toàn cầu hóa thị trường và đổi mới quản lý triệt để, các yếu tố thúc đẩy và bị thúc đẩy bởi thay đổi xã hội đều có phạm vi rộng và có chiều sâu. Đó là một làn sóng biến đổi lan tỏa đồng thời cuốn trôi và định hình lại các nền tảng xã hội được cung cấp bởi các truyền thống văn hóa, các biểu tượng xã hội và các thể chế quyền lực và an ninh,... Thế kỷ 21 có thể chứng kiến sự chuyển đổi kép hướng tới các thị trường hội nhập toàn cầu và các hệ thống kinh tế-xã hội mới, trong đó, một số khu vực trên thế giới mở ra chủ nghĩa tư bản công nghiệp trong khi các khu vực khác chuyển sang chủ nghĩa xã hội và kinh tế tri thức. Nhìn chung, quan điểm đồng thuận là triển vọng thịnh vượng và hạnh phúc trong Thế kỷ 21 có thể sẽ phụ thuộc vào việc tận dụng sự đa dạng xã hội để khuyến khích sự năng động về công nghệ, kinh tế và xã hội. Trong hai mươi năm tới có thể thúc đẩy sự hội tụ kép: *thứ nhất*, hướng tới các xã hội phức tạp và khác biệt cao hơn, và *thứ hai*, hướng tới việc áp dụng một loạt các mục tiêu chính sách chung có lợi cho cả sự đa dạng và bền vững xã hội.

Theo Alfonso Montuori (2020), xã hội sáng tạo nằm ở chính cá nhân, mối quan hệ của cá nhân với xã hội và giá trị văn hóa. Xã hội sáng tạo đã bắt đầu khám phá cách bản thân nghiên cứu sáng tạo đã được tạo ra, thông qua cách nó được thể hiện *trong văn hóa đại chúng*, với những *tín ngưỡng dân gian tiềm ẩn về sáng tạo và bởi chính các nhà nghiên cứu sáng tạo*. Xã hội sáng tạo đòi hỏi sự đa dạng phong phú của các quan điểm, do đó, đặt ra những yêu cầu mới với các nhà nghiên cứu để mở rộng phạm vi và trở thành liên ngành hoặc thậm chí xuyên ngành. Xã hội sáng tạo có thể thành công trong việc nêu rõ tính trung tâm của sáng tạo trong xã hội và thay đổi xã hội, qua đó, đưa tính sáng tạo lên vị trí hàng đầu trong nghiên cứu xã hội.

## 2.5. Mối quan hệ giữa tri thức và sáng tạo

Theo Marianna Sigala và Kalotina Chalkiti (2015), cần xác định và quản lý các cá nhân sáng tạo (cấp vi mô) và/hoặc bối cảnh tổ chức (cấp vĩ mô), sáng tạo và quản lý các mạng xã hội sáng tạo (cấp trung) là rất quan trọng; ngày nay, tri thức, đổi mới và sáng tạo được công nhận rộng rãi là những yếu tố cạnh tranh quan trọng nhất có thể hỗ trợ và thúc đẩy đáng kể khả năng thích ứng, sự tồn tại và hiệu suất vượt trội của doanh nghiệp. Trên thực tế, có một mối quan hệ qua lại giữa ba khái niệm này, vì năng lực của một tổ chức để duy trì khả năng tạo ra ý tưởng và đổi mới được xác định dựa trên khả năng học hỏi, mở rộng cơ sở tri thức và khả năng chia sẻ kiến thức của mọi người.

Trong các thị trường năng động, nơi cạnh tranh và rủi ro ngày càng gay gắt, vòng đời sản phẩm/dịch vụ ngày càng ngắn lại, gốc rễ của lợi thế cạnh tranh bền vững chỉ có thể được tìm thấy trong quá trình học tập liên tục của tổ chức, quản lý tri thức (KM) và sáng tạo (Nonaka và Takeuchi, 1995; Gottfridsson, 2012; Sundbo, 2012). Cụ thể là, trong lĩnh vực dịch vụ đang phát triển và có tính cạnh tranh cao, nhờ đó đổi mới dịch vụ có thể dễ dàng bị sao chép, điều này cho thấy khả năng quản lý tri thức để có hiệu suất bền vững là rất quan trọng. Do kiến thức chủ yếu là ngầm (vô hình) và được đưa vào trong các cấu trúc và văn hóa tổ chức, kiến thức không thể dễ dàng sao chép và thay thế, do đó, kiến thức cho phép các công ty tạo ra giá trị kinh doanh theo cách độc đáo, không thể bắt chước và không thể chuyển nhượng.

Sáng tạo có vai trò định hướng và dẫn dắt đổi mới, đổi mới thường được định nghĩa là việc thực hiện các ý tưởng, trong khi tính sáng tạo liên quan đến việc tạo ra các ý tưởng (Amabile và cộng sự, 1996, Shalley và cộng sự, 2004). Sáng tạo là yếu tố cần thiết cho phép đổi mới (Carayannis và Gonzalez, 2003, trang 587; Amabile, 2000). Sáng tạo trở thành yếu tố ưu tiên quan trọng mà các công ty phải tăng cường, vì nó giúp họ phản ứng với môi trường thay đổi nhanh chóng và cung cấp cho họ động lực để linh hoạt và phục hồi nội bộ (Marianna Sigala, Kalotina Chalkiti, 2015).

Điều kiện để xây dựng xã hội tri thức và sáng tạo cho thấy, trước tiên cần xây dựng các trụ cột, xây dựng nền tảng dựa vào văn hóa đại chúng, các nhà khoa học bằng lao động sáng tạo của mình góp phần đảm bảo sự công bằng, bền vững xã hội. Các điều kiện trên cho thấy, vai trò của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp, vừa tạo nền tảng cho xã hội phát triển bền vững, vừa góp phần kiến tạo nên xã hội tri thức và sáng tạo.

## 3. Vai trò của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp trong xã hội tri thức và sáng tạo

### 3.1. Bối cảnh quốc tế

Năm 2023, OECD nhận định xu hướng toàn cầu trong đổi mới chính phủ: Đối mặt với vấn đề tồn tại lâu dài đó là “khủng hoảng vĩnh viễn” đang diễn ra, các



chính phủ phải đối phó và ứng phó với các mối đe dọa mới nổi trong khi vẫn đang vật lộn với các vấn đề lâu dài như biến đổi khí hậu, gián đoạn kỹ thuật số và mức độ tin cậy thấp. Trong bối cảnh này, việc hiểu các cách tiếp cận mới và truyền bá những ý tưởng thành công chưa bao giờ quan trọng hơn thế. Để thúc đẩy điều này, quan sát đối mới khu vực công của OECD đã phân tích 1.084 sáng kiến đổi mới từ 94 quốc gia để rút ra và hiểu các thông lệ mới của chính phủ. Có bốn xu hướng chính: (1) các hình thức trách nhiệm giải trình mới cho một kỷ nguyên mới của chính phủ; (2) các phương pháp chăm sóc mới; (3) các phương pháp mới để bảo tồn bản sắc và củng cố sự công bằng; và (4) các cách thức mới để thu hút người dân và cư dân.

Nhận định của OECD cho thấy, xu hướng chung toàn cầu hiện nay đó là duy trì, bảo tồn bản sắc và củng cố sự công bằng với các hình thức trách nhiệm mới và phương pháp mới cho kỷ nguyên mới.

Đảng ta đã nhận định về bối cảnh quốc tế trong Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030: Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên Hợp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới. KHCN&ĐMST và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. KHCN&ĐMST ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội.

### **3.2. Tình hình trong nước**

Mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 chưa đạt yêu cầu, chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển và bắt kịp các nước trong khu vực. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Môi trường kinh doanh ở một số lĩnh vực, địa phương còn hạn chế, chưa thực sự thông thoáng. Các đột phá chiến lược chưa có bứt phá. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; KHCN&ĐMST chưa thực sự trở thành động lực phát triển. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả; quản lý phát triển đô thị còn bất cập. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Mô hình tăng trưởng chưa thực sự dựa trên nền tảng KHCN&ĐMST; tính tự chủ của nền kinh tế còn thấp; vẫn còn phụ thuộc lớn vào bên ngoài; chưa quan tâm đúng mức

đến chuỗi giá trị và cung ứng trong nước... nhằm nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Từ bối cảnh quốc tế và trong nước cho thấy có yếu tố thuận lợi; tri thức bên ngoài quốc gia sẽ bổ sung nguồn tri thức bên trong quốc gia, tăng cường tri thức mới, tri thức nền tảng. Tuy nhiên, tạo nên khó khăn, thách thức do đội ngũ trí thức, trình độ chuyên môn, hạ tầng cơ sở của các nước đã phát triển cao hơn, tốt hơn các nước mới, đang và chưa phát triển.

Tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là chủ trương lớn xuyên suốt của Đảng, các chủ trương lớn là cơ sở để xây dựng xã hội tri thức và sáng tạo (xã hội phát triển dựa trên tri thức và sáng tạo), Nhà nước đã ban hành các chính sách để cụ thể hóa chủ trương của Đảng trong thời gian qua, cụ thể: Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 07/9/2019 về *Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về *Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 ban hành *Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030*. Quyết định số 127/QĐ-TTg đã xác định mục tiêu đến năm 2025 “*Góp phần xây dựng xã hội sáng tạo, chính phủ hiệu quả, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững*”.

Mục tiêu phát triển đất nước: Phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở KHCN&ĐMST gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

### **3.3. Vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp**

#### **3.3.1. Sự đóng góp của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp trong thời gian qua**

Bằng tinh thần yêu nước, trách nhiệm cao đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đội ngũ trí thức và doanh nghiệp Việt Nam đã không ngừng lao động

sáng tạo, thông qua hoạt động KH&CN&ĐMST, đã tạo ra nhiều sản phẩm tri thức, sản phẩm sáng tạo đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế-xã hội, không ngừng nâng cao vị trí, vai trò của Việt Nam trong khu vực và thế giới, cụ thể:

*Phát triển kinh tế-xã hội đầu năm 2023:* (1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 0,34% của quý II/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Tính chung 6 tháng đầu năm, GDP tăng 3,72%, cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011-2023. (2) Tình hình đời sống của hộ dân cư trong 6 tháng đầu năm 2023 được cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm 2022 là 94%, tăng 15 điểm so với kỳ báo cáo 6 tháng năm 2022. Công tác an sinh xã hội tiếp tục được các cấp từ trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện<sup>2</sup>.

*Nâng cao vị trí, vai trò của Việt Nam trong khu vực và quốc tế:* Theo báo cáo của WIPO về chỉ số GII năm 2022, Việt Nam đứng thứ 48/132 nền kinh tế, nằm trong Top 50 và đứng thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp. Trong khu vực ASEAN, Việt Nam đứng vị trí thứ 4, sau Singapore, Malaysia và Thái Lan. Trong số các nước ASEAN được xếp hạng, có 3 nước tăng bậc là Singapore, Indonesia và Campuchia. Thái Lan và Malaysia vẫn giữ nguyên thứ hạng. Năm 2022, Việt Nam đứng thứ 59 về đầu vào ĐMST, cao hơn năm 2021 và 2020; hiệu quả ĐMST, theo GII năm 2022, mối quan hệ giữa mức thu nhập (GDP bình quân đầu người) và hiệu suất ĐMST (điểm GII) cho thấy: So với GDP, hiệu quả hoạt động ĐMST của Việt Nam trên cả mong đợi về mức độ phát triển của Việt Nam. Về hiệu suất đổi mới dự kiến theo mức thu nhập của Việt Nam cũng đang ở trên mức kỳ vọng. Nhiều chỉ số là điểm mạnh của Việt Nam, cụ thể: Đa dạng hóa của ngành công nghiệp nội địa (đứng thứ 9/132); Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân (đứng thứ 11); Phần chi NC&PT do doanh nghiệp trang trải (đứng thứ 10); Tốc độ tăng năng suất lao động (đứng thứ 3); Xuất khẩu công nghệ cao (đứng thứ 3); Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (đứng thứ 8), Sáng tạo ứng dụng di động (đứng thứ 8)...

### 3.3.2. Sự đóng góp của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp thời gian tới

Đội ngũ trí thức và doanh nghiệp tiếp tục đóng góp vào công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng đã chỉ rõ cần tiếp tục xây dựng đội ngũ trí thức và doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của đất nước, cụ thể:

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đề ra: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà KH&CN Việt Nam có trình độ chuyên

<sup>2</sup> Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội Quý II và 6 tháng đầu năm 2023.

môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ KH&CN đặc biệt quan trọng. Thực sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức”.

Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030, đã xác định vai trò quan trọng của doanh nghiệp trong nhiệm vụ “Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”, cụ thể: *Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị-xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước*. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

Các chủ trương của Đảng cho thấy sự định hướng phát triển xã hội tri thức và sáng tạo trong tương lai, vai trò của đội ngũ trí thức và doanh nghiệp đã được khẳng định trong các văn bản của Đảng và Nhà nước. Để phát huy được vai trò, đội ngũ trí thức và doanh nghiệp cần tăng cường liên kết, gắn kết chặt chẽ để thúc đẩy phát triển xã hội tri thức và sáng tạo, đổi mới được mạnh mẽ. Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm, đầu tư để đội ngũ trí thức và doanh nghiệp có hệ sinh thái phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp, hiệu quả vào sự nghiệp phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 2021-2030. *Báo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam*, <tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735>
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, 2021, Tập I, tr 167.
3. Tổng Cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023). *Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023*.
4. Từ điển Triết học (1986). Nhà xuất bản Tiến bộ.
5. Nguyễn Văn Dân (2015). “Xã hội tri thức - Công cụ đầy hứa hẹn để phát triển con người và xã hội bền vững”. *Tạp chí Công sản online*, <www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/34868/xa-hoi-tri-thuc---cong-cu-day-hua-hen-de-phat-trien-con-nguoi-va-xa-hoi-ben-vung.aspx>
6. OECD (2000). *The Creative Society of the 21st Century*
7. UNESCO (2005). *Toward knowledge societies. UNESCO World Report*. Conde-sur-Noireau, France: Imprimerie Corlet.
8. UNESCO (2012). *Inclusive Knowledge Societies for Sustainable Development UNESCO March 2012*.

9. Kenneth Allan (2005). *Explorations in classical sociological theory: Seeing the social world*. SAGE Publications, Inc; 1st edition. ISBN 978-1-4129-0572-5.
10. Alfonso Montuori (2020). "Social Creativity". *Encyclopedia of Creativity*, 3rd edition, Volume 2 <<https://doi.org/10.1016/B978-0-12-809324-5.23760-7>>
11. EAL Stine-Morrow, JM Parisi (2010). "The Adult Development of Cognition and Learning". *Social development*. Elsevier Ltd. pp. 225-230.
12. *Towards knowledge societies*. UNESCO World Report. UNESCO Publishing, Paris, 2005, 226pp. ISBN 92-3-104000-6 <<http://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000141843>>
13. Donncha Kavanagh, Geoff Lightfoot, Simon Lilley (2021). "Are we living in a time of particularly rapid social change? And how might we know?". *Technological Forecasting and Social Change*, Volume 169, August 2021.
14. Marianna Sigala, Kalotina Chalkiti (2015). "Knowledge management, social media and employee creativity". *International Journal of Hospitality Management*. February 2015, Pages 44-58.
15. Naim Hamdija Afgan, Maria G. Carvalho (2010). "The Knowledge Society: A Sustainability Paradigm". *Cadmus Journal*, Volume I, Issue 1, <<https://www.cadmusjournal.org/node/14>>
16. Van Bezouw, MJ; Toorn JM van der; Becker, JC (2021). "Social creativity: reviving a social identity approach to social stability". *European Journal of Social Psychology*, P409 - 422.